



**Nam Mô Tầm Thanh Cứu Khổ Cứu Nạn Đại Từ Đại Bi
Linh Cảm Ứng Quán Thế Âm Bồ Tát**

KINH
ĐẠI BI TÂM ĐÀ RA NI

42
ẤN THỦ NHÃN

Phật Lịch 2560 - Bính Thân 2016
Sacramento, California, Hoa Kỳ



**KINH THIÊN THỦ THIÊN NHÃN
QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN
VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ RA NI**

*Đời Đường, Sa Môn Đà Phạm Đạt Mạ người xứ Ấn Độ
dịch ra chữ Hán*

Việt dịch: Sa Môn Thích Thiên Tâm

Như vậy tôi nghe, một thời đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngự nơi đạo tràng Bảo Trang Nghiêm, trong cung điện của Quán Thế Âm Bồ Tát ở tại non Bồ Đà Lạc Ca. Đức Phật ngồi nơi tòa sư tử, tòa này trang nghiêm thuần bằng vô lượng ngọc báu tạp ma ni, xung quanh treo vây nhiều tràng phan bá bảo.

Khi ấy đức Như Lai ở trên pháp tòa, sắp muốn diễn nói môn tổng trì đà ra ni, có vô lượng số Bồ Tát Ma Ha Tát câu hội. Các vị ấy là: Tổng Trì Vương Bồ Tát, Bảo Vương Bồ Tát, Dược Vương Bồ Tát, Dược Thượng Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Hoa Nghiêm Bồ Tát, Đại Trang Nghiêm Bồ Tát, Bảo Tạng Bồ Tát, Đức Tạng Bồ Tát, Kim Cang Tạng Bồ Tát, Hư Không Tạng Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ... Những vị Bồ Tát như thế đều là bậc Quán Đảnh Đại Pháp Vương Tử.

Lại có vô lượng vô số đại Thanh Văn Tăng đều là bậc A La Hán tu hạnh Thập Địa câu hội. Trong ấy, ngài Ma Ha Ca Diếp làm thượng thủ.

Lại có vô lượng Phạm Ma La Thiên câu hội. Trong ấy, ngài Thiện Tra Phạm Ma làm thượng thủ.

Lại có vô lượng chư thiên tử ở cõi trời Dục giới câu hội. Trong ấy, ngài Cù Bà Đà thiên tử làm thượng thủ.

Lại có vô lượng hộ thế Tứ Thiên Vương câu hội. Trong ấy, ngài Đề Đầu Lại Tra làm thượng thủ.

Lại có vô lượng Thiên, Long, Dạ xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Đà, Nhơn, Phi Nhơn câu hội. Trong ấy, ngài Thiên Đức Đại Long Vương làm thượng thủ.

Lại có vô lượng chư thiên nữ ở cõi trời Dục giới câu hội. Trong ấy, ngài Đồng Mục thiên nữ làm thượng thủ.

Lại có vô lượng thần Hư Không, thần Giang Hải, thần Tuyên Nguyên, thần Hà Chiểu, thần Dược Thảo, thần Thọ Lâm, thần Xá Trạch, thần Cung Điện, cùng Thủy thần, Hỏa thần, Địa thần, Phong thần, Thổ thần, Sơn thần, Thạch thần v.v... đều đến tập hội.

Bấy giờ, đức Quán Thế Âm Bồ Tát ở trong đại hội, mặt phóng ánh thần thông quang minh, chiếu sáng mười phương sát độ và cõi tam thiên đại thiên thế giới này đều thành sắc vàng. Từ thiên cung, long cung, cho

đến cung điện của các vị tôn thần thấy đều chấn động. Biển cả, sông, nguồn, núi Thiết Vi, núi Tu Di, cùng Thổ sơn, Hắc sơn, cũng đều rung động dữ dội. Ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, tinh tú, châu báu và lửa đều bị ánh kim quang rực rỡ kia lấn át làm cho ẩn mất không hiện.

Lúc đó, ngài Tổng Trì Vương Bồ Tát thấy tướng trạng hy hữu ấy, lấy làm lạ cho là việc chưa từng có, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cung kính chấp tay, dùng lời kệ hỏi Phật, để biết tướng thần thông kia do ai làm ra. Kệ rằng:

Ai thành Chánh Giác trong ngày nay?
 Khắp phóng ánh sáng như thế này
 Mười phương sát độ thành sắc vàng
 Cả cõi đại thiên cũng như vậy.
 Ai được tự tại trong ngày nay?
 Phô diễn thần lực ít có này
 Không ngăn cõi Phật đều rung động
 Cung điện long thần cũng lung lay.
 Sức thần thông này ai làm ra?
 Là ánh quang minh đáng Phật Đà
 Là của Bồ Tát, đại Thanh Văn
 Hay trời Đế Thích, cùng Phạm Ma?
 Nay trong chúng hội đều sanh nghi
 Chẳng biết đây là nhân duyên gì?
 Muốn cầu hiểu rõ, tâm thành kính
 Hướng trông về ngôi Đại Từ Bi.

Đức Phật bảo Tổng Trì Vương Bồ Tát:

- Thiện nam tử! Các ông nên biết trong pháp hội này có vị Bồ Tát Ma Ha Tát, tên là Quán Thế Âm Tự Tại, từ vô lượng kiếp đến nay đã thành tựu tâm đại từ bi, lại khéo tu tập vô lượng đà ra ni môn. Vị Bồ Tát ấy vì muốn làm cho chúng sanh được lợi ích an vui, nên mới mật phóng sức thần thông như thế.

Đức Như Lai vừa nói lời ấy xong, Quán Thế Âm Bồ Tát liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục nghiêm chỉnh, chấp tay hướng về Phật mà thưa rằng: - Bạch đức Thế Tôn, con có chú Đại Bi Tâm Đà Ra Ni, nay xin

nói ra, vì muốn cho chúng sanh được an vui, được trừ tất cả bệnh, được sống lâu, được giàu có, được diệt tất cả nghiệp ác tội nặng, được xa lìa chướng nạn, được thành tựu tất cả thiện căn, được tiêu tan tất cả sự sợ hãi, được mau đầy đủ tất cả những chỗ mong cầu. Cúi xin Thế Tôn từ bi đoãn hứa.

Đức Phật bảo: - Thiện nam tử! Ông có tâm đại từ bi, muốn nói thần chú để làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh. Hôm nay chính là lúc hợp thời, vậy ông nên mau nói ra, Như Lai tùy hỷ, chư Phật cũng thế.

Quán Thế Âm Bồ Tát lại bạch Phật: - Bạch đức Thế Tôn! Con nhớ vô lượng ức kiếp về trước, có Phật ra đời hiệu là Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như Lai. Đức Phật ấy vì thương nghĩ đến con và tất cả chúng sanh nên nói ra môn Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà Ra Ni. Ngài lại dùng tay sắc vàng xoa nơi đầu con mà bảo: *“Thiện nam tử! Ông nên thọ trì tâm chú này và vì khắp tất cả chúng sanh trong cõi nước ở đời vị lai mà làm cho họ được sự lợi ích an vui lớn”*.

Lúc đó con mới ở ngôi sơ địa, vừa nghe xong thần chú này liền chứng vượt lên đệ bát địa. Bấy giờ con rất vui mừng, liền phát thệ rằng: *“Nếu trong đời vị lai, con có thể làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh với thần chú này, thì xin khiến cho thân con liền sanh ra ngàn tay ngàn mắt”*. Khi con phát thệ rồi, thì ngàn tay ngàn mắt đều hiện đủ nơi thân. Lúc ấy, cõi đất mười phương rung động sáu cách, ngàn đức Phật trong mười phương đều phóng ánh quang minh soi đến thân con và chiếu sáng khắp mười phương vô biên thế giới.

Từ đó về sau, con ở trong vô lượng pháp hội của vô lượng chư Phật, lại được nghe và thọ trì môn Đà Ra Ni này. Mỗi lần nghe xong, con khôn xiết vui mừng, liền được vượt qua sự sanh tử vi tế trong vô số ức kiếp. Và từ ấy đến nay, con vẫn hằng trì tụng chú này, chưa từng quên bỏ. Do sức trì tụng ấy, tùy theo chỗ sanh, con không còn chịu thân bào thai, được hóa sanh nơi hoa sen, thường gặp Phật nghe Pháp. Nếu có vị Tỷ Khưu, Tỷ Khưu Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di hay đồng nam, đồng nữ nào muốn tụng trì chú này, trước tiên phải phát tâm từ bi đối với chúng sanh, và sau đây y theo con mà phát nguyện:

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con mau biết tất cả pháp.
 Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con sớm được mắt trí huệ.
 Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con mau độ các chúng sanh.
 Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con sớm được phương
 tiện khéo.

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con mau lên thuyền bát nhã.
 Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con sớm được qua biển khổ.
 Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con mau được giới định đạo.
 Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con sớm lên non Niết Bàn.
 Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con mau về nhà vô vi.
 Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện con sớm đồng thân
 pháp tánh.

Nếu con hướng về nơi non đao, non đao tức thời liền sụp đổ.
 Nếu con hướng về lửa, nước sôi, nước sôi, lửa cháy tự khô tắt*.
 Nếu con hướng về cõi địa ngục, địa ngục liền mau tự tiêu tan.
 Nếu con hướng về loài ngạ quỷ, ngạ quỷ liền được tự no đủ.
 Nếu con hướng về chúng tu la, tu la tâm ác tự điều phục.
 Nếu con hướng về các súc sanh, súc sanh tự được trí huệ lớn.

Khi phát lời nguyện ấy xong, chí tâm xưng danh hiệu của con, lại nên chuyên niệm danh hiệu bổn sư con là đức A Di Đà Như Lai, kế đó tiếp tụng Đà Ra Ni thần chú này. Nếu chúng sanh nào, trong một ngày đêm tụng năm biến chú, sẽ diệt trừ được tội nặng trong ngàn muôn ức kiếp sanh tử.

Quán Thế Âm Bồ Tát lại bạch Phật: - Bạch đức Thế Tôn! Nếu chúng sanh nào tụng trì thần chú Đại Bi mà còn bị đọa vào ba đường ác, con thề không thành chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, nếu không được sanh về các cõi Phật, con thề không thành chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, nếu không được vô lượng tam muội biện tài, con thề không thành chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, tất cả sự mong cầu trong đời hiện tại, nếu không được vừa ý thì chú này không được gọi là Đại Bi Tâm Đà

* Nếu con hướng về lửa, lửa cháy tự khô tắt (Theo HT Thích Thái Siêu)



Ra Ni, duy trừ cầu những việc bất thiện, trừ kẻ tâm không chí thành. Nếu các người nữ chán ghét thân nữ, muốn được thân nam, tụng trì thần chú Đại Bi, như không chuyển nữ thành nam, con thê không thành chánh giác. Như kẻ nào tụng trì chú này, nếu còn sanh chút lòng nghi, tất không được toại nguyện. Nếu chúng sanh nào xâm tổn tài vật, thức ăn uống của thường trụ sẽ mang tội rất nặng, do nghiệp ác ngăn che, giả sử ngàn đức Phật ra đời cũng không được sám hối, dù có sám hối cũng không trừ diệt. Nếu đã phạm tội ấy, cần phải đổi mười phương đạo sư sám hối mới có thể tiêu trừ. Nay do tụng trì thần chú Đại Bi liền được trừ diệt. Tại sao thế? Bởi khi tụng chú Đại Bi Tâm Đà Ra Ni, mười phương đạo sư đều đến vì làm chứng minh, nên tất cả tội chướng thấy đều tiêu diệt. Chúng sanh nào tụng chú này, tất cả tội thập ác, ngũ nghịch, báng Pháp, báng người, phá giới, phạm trai, hủy hoại chùa tháp, trộm của tăng kỳ, làm như phạm hạnh, bao nhiêu tội ác nghiệp nặng như thế đều được tiêu hết, duy trừ một việc: kẻ tụng đối với chú còn sanh lòng nghi. Nếu có sanh tâm ấy, thì tội nhỏ nghiệp nhẹ cũng không được tiêu, huống chi tội nặng? Nhưng tuy không liền diệt được tội nặng, cũng có thể làm nhân bồ đề về kiếp xa sau.

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu các hàng trời, người tụng trì thần chú Đại Bi, thì không bị mười lăm việc chết xấu, sẽ được mười lăm chỗ sanh tốt. Thế nào là mười lăm việc chết xấu?

1. Không bị chết do đói khát khôn khổ.
2. Không bị chết do công, tù, đánh đập.
3. Không bị chết vì oan gia thù địch.
4. Không bị chết giữa quân trận chém giết nhau.
5. Không bị chết do cọp sói cùng ác thú tàn hại.
6. Không bị chết bởi rắn rít độc cắn.
7. Không bị chết vì nước trôi, lửa cháy.
8. Không bị chết bởi phạm nhằm thuốc độc.
9. Không bị chết do loài sâu trùng độc làm hại.
10. Không bị chết vì điên cuồng mê loạn.

11. Không bị chết do té cây, té xuống núi.
12. Không bị chết bởi người ác trù ếm.
13. Không bị chết bởi tà thần, ác quỷ làm hại.
14. Không bị chết vì bệnh ác lâm thân.
15. Không bị chết vì phi mạng tự hại.

Tụng trì thần chú Đại Bi, không bị mười lăm việc chết xấu như thế.

Sao gọi là mười lăm chỗ sanh tốt?

1. Tùy theo chỗ sanh, thường gặp đấng quốc vương hiền lành.
2. Tùy theo chỗ sanh, thường ở cõi nước an lành.
3. Tùy theo chỗ sanh, thường gặp thời đại tốt,
4. Tùy theo chỗ sanh, thường gặp bạn lành.
5. Tùy theo chỗ sanh, thân căn thường được đầy đủ.
6. Tùy theo chỗ sanh, đạo tâm thuần thực.
7. Tùy theo chỗ sanh, không phạm cấm giới.
8. Tùy theo chỗ sanh, thường được quyền thuộc hòa thuận,
có ân nghĩa.
9. Tùy theo chỗ sanh, vật dụng, thức ăn uống thường được đầy đủ.
10. Tùy theo chỗ sanh, thường được người cung kính giúp đỡ.
11. Tùy theo chỗ sanh, tiền của châu báu không bị kẻ khác
cướp đoạt.
12. Tùy theo chỗ sanh, những việc mong cầu đều được toại nguyện.
13. Tùy theo chỗ sanh, long thiên, thiện thần thường theo ủng hộ.
14. Tùy theo chỗ sanh, thường được thấy Phật nghe pháp.
15. Tùy theo chỗ sanh, khi nghe chánh pháp ngộ giải nghĩa sâu.

Nếu kẻ nào trì tụng chú Đại Bi, sẽ được mười lăm chỗ sanh tốt như thế! Cho nên tất cả hàng trời, người, đều nên thường tụng trì, chớ sanh lòng biếng trễ.

Khi đức Quán Thế Âm Bồ Tát nói lời ấy rồi, liền ở trước chúng hội, chấp tay đứng thẳng, đối với chúng sanh khởi lòng từ bi, nở mặt mỉm cười, nói chương cú màu nhiệm: **Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà Ra Ni** rằng:

Nam mô hắc ra đất na đá ra dạ da. Nam mô a rị da, bà lô yết đế, thước bát ra da, bồ đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô ni ca da. Án, tát bàn ra phạt duệ, số đất na đất tả. Nam mô tát kiết lật đỏa y mông a lị da, bà lô kiết đế thất phạt ra lăng đả bà. Nam mô na ra cần trì, hê rị ma ha bàn đá sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dụng. Tát bà tát đá (*na ma bà tát đá*), na ma bà già, ma phạt đạt đậu.

Đát điệt tha: Án, a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê rị đả dụng, cu lô cu lô yết mông, độ lô độ lô phạt xà ra đế, ma ha phạt xà ra đế, đả ra đả ra, địa rị ni, thất phạt ra da, dá ra dá ra, mạ mạ, phạt ma ra, mục đế lệ, y hê y hê, thất na thất na, a ra sâm phạt ra xá lợi, phạt sa phạt sâm, phạt ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị, ta ra ta ra, tát rị tát rị, tô rô tô rô, bồ đề dạ, bồ đề dạ, bồ đề dạ, bồ đề dạ, di đế rị dạ, na ra cần trì. Địa lị sắt ni na, ba dạ ma na, ta bà ha. Tát đả dạ, ta bà ha. Ma ha tát đả dạ, ta bà ha. Tát đả du nghệ, thất bàn ra dạ, ta bà ha. Na ra cần trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta bà ha. Tát ra tăng a mục khư da, ta bà ha. Ta bà ma ha a tát đả dạ, ta bà ha. Giả kiết ra a tát đả dạ, ta bà ha. Ba đả ma yết tát đả dạ, ta bà ha. Na ra cần trì bàn đả ra dạ, ta bà ha. Ma bà lị thắng yết ra dạ, ta bà ha.

Nam mô hắc ra đất na đá ra dạ da. Nam mô a lị da, bà lô yết đế, thước bàn ra dạ, ta bà ha. Án, tát điệt đô, mạn đả ra, bặt đả dạ, ta bà ha.

Bồ Tát thuyết chú xong, cõi đất sáu phen biến động, trời mưa hoa báu rơi xuống rải rác, mười phương chư Phật thấy đều vui mừng, thiên ma ngoại đạo sợ dựng lông tóc, tất cả chúng hội đều được quả chứng. Hoặc có vị chứng quả Tu Đà Hoàn, hoặc có vị chứng quả Tư Đà Hàm, hoặc có vị chứng quả A Na Hàm, hoặc có vị chứng quả A La Hán, hoặc có vị chứng được Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa, Tứ Địa, Ngũ Địa cho đến Thập Địa. Vô lượng chúng sanh phát lòng bồ đề.

Khi ấy Đại Phạm Thiên Vương từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục nghiêm chỉnh, chấp tay cung kính bạch với đức Quán Thế Âm Bồ Tát

rằng: Lành thay Đại Sĩ! Từ trước đến nay, tôi đã trải qua vô lượng Phật hội, nghe nhiều pháp yếu, nhiều môn Đà Ra Ni, song chưa từng nghe nói chương cú thần diệu: Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà Ra Ni này. Cúi xin Đại Sĩ vì tôi, nói hình trạng tướng mạo của Đà Ra Ni ấy. Tôi và đại chúng đều ưa thích muốn nghe.

Quán Thế Âm Bồ Tát bảo Phạm Vương: - Ông vì phương tiện lợi ích cho tất cả chúng sanh nên hỏi như thế. Nay ông khéo nghe, tôi sẽ vì ông mà nói lược qua.

- Nay Phạm Vương! Những tâm đại từ bi, tâm bình đẳng, tâm vô vi, tâm chẳng nhiễm trước, tâm không quán, tâm cung kính, tâm khiêm nhường, tâm không tạp loạn, tâm không chấp giữ, tâm vô thượng bồ đề, nên biết các thứ tâm ấy đều là tướng mạo của môn Đà Ra Ni này. Vậy ông nên y theo đó mà tu hành.

Phạm Vương thưa: - Tôi và đại chúng hôm nay mới hân hạnh được biết tướng mạo của môn Đà Ra Ni này. Từ đây chúng tôi xin thọ trì chẳng dám lãng quên.

Bồ Tát lại nói tiếp: - Nếu kẻ thiện nam, thiện nữ nào tụng trì thần chú này, phải phát tâm bồ đề rộng lớn, thề độ tất cả muôn loài, giữ gìn trai giới, đối với chúng sanh khởi lòng bình đẳng và thường nên trì tụng chớ cho gián đoạn. Lại nên ở nơi tịnh thất, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục sạch, treo phan, đốt đèn, dùng hương hoa cùng các thứ ăn uống để cúng dường, buộc tâm một chỗ, chớ nghĩ chi khác, y như pháp mà tụng trì. Lúc ấy sẽ có Nhật Quang Bồ Tát, Nguyệt Quang Bồ Tát cùng vô lượng thần tiên đến chứng minh, giúp thêm sự hiệu nghiệm. Bấy giờ ta cũng dùng ngàn mắt chiếu soi, ngàn tay nâng đỡ, khiến cho kẻ ấy từ đó về sau có thể hiểu suốt tất cả sách vở thế gian, thông đạt các điển tịch Vi Đà và tất cả pháp thuật ngoại đạo. Chúng sanh nào tụng trì thần chú này, có thể trị lành tám muôn bốn ngàn thứ bệnh ở thế gian, hàng phục các thiên ma ngoại đạo, sai khiến được tất cả quỷ thần. Những kẻ tụng kinh tọa thiền ở nơi non sâu, đồng vắng, bị sơn tinh, tạp mị, các quỷ vọng lượng làm não loạn phá hoại, khiến cho tâm không an định, chỉ cần tụng chú này một biến, các quỷ thần ấy thầy đều bị trói. Nếu hành giả có thể tụng trì đúng pháp, khởi lòng thương xót tất cả chúng sanh, lúc ấy ta sẽ sắc cho tất cả

Thiện Thần, Long Vương, Kim Cang Mật Tích thường theo ủng hộ, không rời bên mình, như giữ gìn tròn con mắt hoặc thân mạng của chính họ.

Tiếp đó, Bồ Tát liền đọc lời kệ sắc lệnh rằng:

Ta sai Mật Tích, Kim Cang Sĩ
 Ô Sô Quân Đồ Ương Câu Thi
 Bát bộ lực sĩ, Thường Ca La
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Ma Hê, Na La Diên
 Kim Tỳ La Đà, Ca Tỳ La
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Bà Cấp Ta Lâu La
 Mãn Thiện Xa Bát, Chân Đà La
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Tát Giá Ma Hòa La
 Cư La Đơn Tra Bán Chỉ La
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Tát Bà Đà La Vương
 Ưng Đức Tỳ Đa, Tát Hòa La
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Phạm Ma Tam Bát La
 Ngũ Bộ Tịnh Cư, Diêm Ma La
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Thích Vương Tam Thập Tam
 Đại Biện, Công Đức, Bà Đát Na
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Đề Đầu Lại Tra Vương
 Các thần Mẫu Nữ, Chúng Đại Lực
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Tỳ Lâu Lặc Xoa Vương
 Tỳ Lâu Bác Xoa Tỳ Sa Môn
 Thường theo ủng hộ bên hành giả.
 Ta sai Kim Sắc Khổng Tước Vương
 Hai mươi tám bộ đại tiên chúng

Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Ma Ni, Bạt Đà La
Táng Chi đại tướng, Phất La Bà
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Nan Đà, Bạt Nan Đà
Bà Đà La Long, Y Bát La
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Tu La, Càn Thát Bà
Ca Lôu, Khẩn Na, Ma Hầu La
Thường theo ủng hộ bên hành giả.
Ta sai Thủy, Hỏa, Lôi, Điện thần
Cưu Bàn Trà Vương, Tỳ Xá Xà
Thường theo ủng hộ bên hành giả.

Các vị thiện thần này cùng thần Long Vương, thần Mẫu Nữ đều có năm trăm đại lực Dạ Xoa làm quyến thuộc, thường theo ủng hộ người thọ trì thần chú Đại Bi. Nếu người đó ở nơi núi hoang, đồng vắng, ngủ nghỉ một mình, các vị thiện thần ấy thay phiên nhau canh giữ không cho tai ương, chướng nạn phạm đến thân. Nếu hành giả đi trong núi sâu lạc mất đường về, tụng trì chú này, thiện thần, long vương hóa làm người lành chỉ đường dẫn lối. Như hành giả trụ nơi núi rừng, đồng vắng, thiếu thốn nước lửa, long thần vì ủng hộ, hóa ra nước, lửa.

Đức Quán Thế Âm Bồ Tát lại vì người tụng chú, nói bài kệ thanh lương tiêu trừ tai họa rằng:

Hành giả đi trong núi vắng
Gặp những cọp sói, các thú dữ
Rắn, rít, tinh mị, quỷ vọng lợng
Tụng tâm chú này khỏi bị hại.
Nếu đi biển cả hoặc sông, hồ
Những rồng rắn độc, loài Ma Kiệt
Dạ Xoa, La Sát, cá, rùa lớn
Nghe tụng chú này tự lánh xa.
Nếu bị quân trận giặc bao vây
Hoặc gặp người ác đoạt tiền của

Chí thành xưng tụng chú Đại Bi
 Giặc cướp tự khởi lòng thương xót.
 Nếu bị vua quan, quân sĩ bắt
 Gông, cùm trói buộc, giam ngục tù
 Chí thành xưng tụng chú Đại Bi
 Vua, quan tự mở lòng ân xá.
 Nếu đi vào nhà nuôi sâu độc
 Uống ăn để thuốc muốn hại nhau
 Chí thành xưng tụng chú Đại Bi
 Thuốc độc biến thành nước cam lộ.
 Nữ nhơn bị nạn khi sanh sản
 Khổ vì ma quái làm ngăn cản
 Chí thành xưng tụng chú Đại Bi
 Quỷ tà sợ trốn, sanh an ổn.
 Gặp rồng, dịch quỷ gieo hơi độc
 Nóng bức, khổ đau sắp mạng chung
 Chí thành xưng tụng chú Đại Bi
 Bệnh dịch tiêu trừ, mạng trường cửu.
 Rồng, quỷ lưu hành bệnh thũng độc
 Ung sang lở lói nhiều khổ đau
 Chí thành xưng tụng chú Đại Bi
 Khạc ra ba lần hơi độc mắt.
 Chúng sanh đời trước khởi lòng ác
 Trù ếm hại cho thỏa oán thù
 Chí thành xưng tụng chú Đại Bi
 Liền phản trở lại người trù ếm.
 Chúng sanh cõi trước đời mạt pháp
 Lửa dâm dục thạnh, tâm điên đảo
 Ngoại tình, xa vợ, bỏ chồng con
 Ngày đêm mãi tưởng điều sai quấy
 Nếu hay xưng tụng chú Đại Bi
 Lửa dục tiêu trừ, tâm tà dứt.
 Công lực Đại Bi chỉ lược qua,
 Nếu ta nói hết không cùng kiếp!

Khi ấy, Quán Thế Âm Bồ Tát lại bảo Phạm Vương rằng:

- Nay Phạm Vương! Nếu chúng sanh nào muốn tiêu trừ tai nạn ma chướng nên lấy chỉ ngũ sắc xe làm một sợi niệt, trước tiên tụng chú này năm biến, kế tụng hai mươi một biến, cứ tụng xong mỗi một biến lại thắt một gút, rồi đeo nơi cổ hoặc bỏ nơi đẫy để trong thân. Tâm chú Đại Bi đây do chín mươi chín ức hằng sa chư Phật đời quá khứ đã nói ra. Các đức Phật ấy vì thương xót muốn cho người tu hành: công đức lục độ chưa đầy đủ, mau được đầy đủ; mầm bồ đề chưa phát, mau được phát sanh; hàng Thanh Văn chưa chứng quả, mau được chứng quả; các vị thần tiên trong cõi đại thiên chưa phát lòng bồ đề, mau được phát tâm vô thượng bồ đề. Nếu chúng sanh nào chưa được tín căn đại thừa, do sức oai thần của Đà Ra Ni này, hột giống đại thừa tự sanh mầm và tăng trưởng; lại do sức từ bi phương tiện của ta, khiến cho sự mong cầu của họ đều được thành tựu.

Lại nữa, người trì tụng Đà Ra Ni này, khi thốt ra lời nói chi, hoặc thiện hoặc ác, tất cả thiên ma, ngoại đạo, thiên, long, quỷ thần đều nghe thành tiếng pháp âm thanh tịnh, đối với người ấy khởi lòng cung kính, tôn trọng như Phật.

Người nào trì tụng Đà Ra Ni này nên biết người ấy chính là tạng Phật thân, vì chín mươi chín ức hằng hà sa chư Phật đều yêu quý. Nên biết người ấy chính là tạng quang minh, vì ánh sáng của tất cả Như Lai đều chiếu đến nơi mình. Nên biết người ấy chính là tạng từ bi, vì thường dùng Đà Ra Ni cứu độ chúng sanh. Nên biết người ấy chính là tạng diệu pháp, vì nhiếp hết tất cả các môn Đà Ra Ni. Nên biết người ấy chính là tạng thiền định, vì trăm ngàn tam muội thầy đều hiện tiền. Nên biết người ấy chính là tạng hư không, vì hằng dùng không huệ quán sát chúng sanh. Nên biết người ấy chính là tạng vô úy, vì thiên, long, thiện thần thường theo hộ trì. Nên biết người ấy chính là tạng diệu ngữ, vì tiếng đà ra ni trong miệng tuôn ra bất tuyệt. Nên biết người ấy chính là tạng thường trụ, vì tam tai, ác kiếp không thể làm hoại. Nên biết người ấy chính là tạng giải thoát, vì thiên ma ngoại đạo không thể bức hại. Nên biết người ấy chính là tạng được vương, vì thường dùng Đà Ra Ni trị bệnh chúng sanh. Nên biết người ấy chính là tạng thần thông, vì được tự tại dạo chơi mười phương cõi Phật. Công đức người ấy khen ngợi không thể cùng!

Này thiện nam tử! Chúng sanh nào nghe danh tự của môn Đà Ra Ni này còn được tiêu diệt tội nặng sanh tử trong vô lượng kiếp, hưởng chi là tưng trì? Nếu người nào được thần chú này mà tưng trì, phải biết kẻ ấy đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo nhiều căn lành. Nếu kẻ nào tưng trì đúng pháp, lại có thể vì chúng sanh dứt trừ khổ nạn, nên biết người ấy là bậc có đủ tâm đại bi, không bao lâu nữa sẽ thành Phật. Cho nên hành giả khi thấy mọi loài, đều nên vì chúng tưng trì chú này, khiến cho chúng được nghe để cùng gây nhân bồ đề, thì sẽ được vô lượng vô biên công đức.

Nếu kẻ hành trì khéo giữ gìn trai giới, dụng tâm tinh thành, vì tất cả chúng sanh sám hối tội nghiệp đời trước, tự mình cũng sám hối những ác nghiệp đã gây ra từ vô lượng kiếp đến nay, nơi miệng rành rẽ tụng Đà Ra Ni này tiếng tăm liên tiếp không dứt, thì trong đời hiện tại liền chứng được bốn đạo quả của bậc sa môn. Nếu là hạng lợi căn có phương tiện huệ quán thì quả vị thập địa còn chứng được không lấy gì làm khó, hưởng chi là những phước báo nhỏ nhặt ở thế gian. Những việc như thế, nếu có mong cầu, đều được toại nguyện.

Đức Phật lại gọi ngài A Nan mà bảo:

- Này A Nan! Khi trong một nước có tai nạn nổi lên, nếu muốn được an ổn, vị quốc vương ở xứ ấy phải biết dùng chánh pháp trị dân, có độ lượng khoan hồng, không làm oan uổng trăm họ, tha kẻ tù phạm, và giữ thân tâm tinh tấn đọc tụng chú này. Hành trì như thế luôn bảy ngày đêm thì trong cõi nước ấy tất cả tai nạn thảy đều tiêu tan, ngũ cốc phong thịnh, dân chúng được an vui.

Lại trong một xứ, nếu gặp những tai ương dồn dập như: bị nước nghịch đem binh xâm lấn, dân tình rối loạn không yên, quan đại thần mưu phản, bệnh dịch lưu hành, mưa nắng trái thời hoặc hạn, nguyệt sai độ v.v... Muốn diệt các thứ tai nạn ấy, vị quốc vương phải lập đàn tràng, tạo tượng Thiên Nhân Đại Bi để day mặt về phương Tây, sắm các thứ hương, hoa, tràng phan, bảo cái, hoặc trăm thức ăn uống mà cúng dường, rồi dùng thân tâm tinh tấn tụng đọc chương cú thần diệu. Hành trì như thế đúng bảy ngày thì nước giặc quy hàng, chánh tình yên ổn, lân bang hòa hảo, thương mến lẫn nhau, trong triều từ vương tử cho đến trăm quan

đều hết dạ trung thành, nơi cung vi, phi tần, thể nữ khởi lòng hiếu kính đối với vua. Các thiên long, quỷ thần đều ủng hộ trong nước khiến cho mưa gió thuận hòa, hoa quả tốt, nhân dân vui đẹp.

Lại nếu trong nhà có những tai nạn như: ma quái nổi dậy, quyền thuộc đau nặng, tiền của hao mòn, gia đình rối loạn, người ác gieo tiếng thị phi hoặc vu khống để hãm hại, cho đến trong ngoài lớn nhỏ chẳng hòa thuận nhau. Muốn diệt những tai nạn ấy, gia chủ phải lập đàn tràng, hướng về tượng Thiên Nhân, chí tâm niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát và tụng Đà Ra Ni này đủ ngàn biến, thì tất cả việc xấu như trên thầy đều tiêu diệt, gia đình được vĩnh viễn an vui.

Ngài A Nan lại bạch Phật rằng: - Bạch Đức Thế Tôn! Chú này tên gọi là chi? Con nên thọ trì như thế nào?

Đức Phật bảo: - Thần chú này có những tên như sau:

1. Quảng Đại Viên Mãn Đà Ra Ni.
2. Vô Ngại Đại Bi Đà Ra Ni.
3. Cứu Khổ Đà Ra Ni.
4. Diên Thọ Đà Ra Ni.
5. Diệt Ác Thú Đà Ra Ni.
6. Phá Ác Nghiệp Chướng Đà Ra Ni.
7. Mãn Nguyện Đà Ra Ni.
8. Tùy Tâm Tự Tại Đà Ra Ni.
9. Tốc Siêu Thánh Địa Đà Ra Ni.

Ông nên y như thế mà thọ trì.

Ngài A Nan lại bạch Phật: - Bạch đức Thế Tôn! Vị Bồ Tát Ma Ha Tát, bộ chủ của thần chú này, tôn hiệu là chi mà khéo nói môn Đà Ra Ni như thế?

Đức Phật bảo: - Vị Bồ Tát ấy hiệu là Quán Thế Âm Tự Tại, cũng tên là Nhiên Sách, cũng gọi là Thiên Quang Nhân.

- Nay thiện nam tử! Quán Thế Âm Bồ Tát thần thông oai lực không thể nghĩ bàn, trong vô lượng kiếp về trước đã từng thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Vì nguyện lực đại bi, vì muốn làm duyên phát khởi cho tất cả các hàng Bồ Tát, vì muốn an vui thành thực cho chúng sanh, ngài mới giáng tích hiện làm Bồ Tát. Vậy ông và đại chúng, các

hàng Bồ Tát Ma Ha Tát, Phạm Vương, Đế Thích, Long Thần đều nên cung kính, chớ sanh lòng khinh mạn xem thường. Nếu tất cả hàng Trời, người thường xưng niệm, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ được vô lượng phước, diệt vô lượng tội, khi mạng chung sanh về cõi nước của Phật A Di Đà.

Đức Phật bảo ngài A Nan: - Thần chú của Quán Thế Âm Bồ Tát nói ra đây chân thật không dối. Nếu muốn thỉnh Bồ Tát đến, nên tụng chú vào hương Chuyết Cự La hai mươi một lần rồi đốt lên, Quán Thế Âm Bồ Tát liền đến. (*Chuyết Cự La hương chính là an tức hương*).

Đức Phật lại bảo ngài A Nan: - Quán Thế Âm Tự Tại Bồ Tát có ngàn tay, mỗi tay đều tiêu biểu cho hạnh tùy thuận các sự mong cầu của chúng sanh. Đó cũng là do tâm đại bi của vị Đại Sĩ ấy hóa hiện.

(*Những chân ngôn sau đây, chỗ có gạch ngang dài là chữ đọc kéo hơi dài ra. Muốn cầu điều gì, đọc chân ngôn theo điều ấy*).



1. Nếu chúng sanh nào muốn được giàu lớn, có nhiều thứ châu báu, đồ dùng, nên cầu nơi tay cầm **châu như ý**. Chân ngôn rằng: *Án-- phạ nhựt ra, phạ đa ra, hồng phẩn tra.*



2. Nếu muốn trị các thứ bệnh trên thân, nên cầu nơi tay cầm **cành dương liễu**. Chân ngôn rằng: *Án-- tô tất đạ, ca rị phạ rị, đa nãm đa, mục đa duệ, phạ nhựt ra, phạ nhựt ra bạn đà, hạ nãng hạ nãng, hồng phẩn tra.*



3. Nếu muốn trị các thứ bệnh trong bụng, nên cầu nơi tay cầm **cái bát báu**. Chân ngôn rằng: *Án-- chỉ rị, chỉ rị, phạ nhựt ra, hồng phấn tra.*



4. Nếu muốn trị bệnh mắt mờ không thấy ánh sáng, nên cầu nơi tay cầm **châu nhựt tinh ma ni**. Chân ngôn rằng: *Án-- độ tĩ, ca giả độ tĩ, bát ra phạ rị nảnh, tát phạ hạ.*



5. Nếu muốn hàng phục tất cả thiên ma thần, nên cầu nơi tay cầm **cây bặt chiết la**. Chân ngôn rằng: *Án-- nể bệ nể bệ, nể bà đã, ma ha thất rị duệ, tát phạ hạ.*



6. Nếu muốn hàng phục tất cả oán giặc, nên cầu nơi tay cầm **chày kim cương**. Chân ngôn rằng: *Án -- phạ nhựt ra, chỉ nảnh, bát ra nể bát đa đã, tát phạ hạ.*



7. Nếu muốn trừ tánh ở tất cả chỗ sợ hãi không yên, nên cầu nơi tay **thí vô úy**. Chân ngôn rằng: *Án -- phạ nhựt ra nằng dã, hồng phẩn tra.*



8. Nếu bị các việc khuấy rối, muốn được an ổn, nên cầu nơi tay cầm **dây quyển sách**. Chân ngôn rằng: *Án -- chỉ rị lã ra, mô nại ra, hồng phẩn tra.*



9. Nếu bị bệnh nhiệt độc, muốn được mát mẻ hết bệnh, nên cầu nơi tay cầm **châu nguyệt tinh ma ni**. Chân ngôn rằng: *Án -- tô tất đạ yết rị, tát phạ hạ.*



10. Nếu muốn được làm quan, lên chức, nên cầu nơi tay cầm **cung báu**. Chân ngôn rằng: *Án -- a tả vĩ, lệ, tát phạ hạ.*



11. Nếu muốn được mau gặp các bạn lành, nên cầu nơi tay cầm **tên bâu**. Chân ngôn rằng: *Án -- ca mạ lã, tát phạ hạ.*



12. Nếu muốn hàng phục các quỷ, thần, vọng, lượng, nên cầu nơi tay cầm **gươm báu**. Chân ngôn rằng: *Án -- đế thê đế nhá, đở vĩ nảnh, đở đề bà đờ dã, hồng phẩn tra.*



13. Nếu muốn trừ những chướng nạn ác bên thân, nên cầu nơi tay cầm **cây phát trắng**. Chân ngôn rằng: *Án-- bát na di nảnh, bà nga phạ đế, mô hạ dã nhá, nga mô hạ nảnh, tát phạ hạ.*



14. Nếu muốn tất cả người trong quyền thuộc được hòa thuận nhau, nên cầu nơi tay cầm **cái hò bình**. Chân ngôn rằng: *Án -- yết lệ, thảm mãn diệm, tát phạ hạ.*



15. Nếu muốn xua đuổi hổ báo, sài lang và tất cả ác thú, nên cầu nơi tay cầm **cái bàng bài**. Chân ngôn rằng: *Án -- được các sam năng, na dã chiến nại ra, đạt nậu bá rị dã, bạt xá bạt xá, tát phạ hạ.*



16. Nếu muốn trong tất cả thời, tất cả chỗ, lia nạn quan quân vờ bắt, nên cầu nơi tay cầm **cây phủ việt**. Chân ngôn rằng: *Án -- vị ra dã, vị ra dã, tát phạ hạ.*



17. Nếu muốn có tôi trai tứ gái để sai khiến, nên cầu nơi tay cầm **chiếc vòng ngọc**. Chân ngôn rằng: *Án -- bát na hàm vị ra dã, tát phạ hạ.*



18. Nếu muốn được các thứ công đức, nên cầu nơi tay cầm **hoa sen trắng**. Chân ngôn rằng: *Án -- phạ nhựt ra, vị ra dã, tát phạ hạ.*



19. Nếu muốn được sanh về mùi hương tịnh độ, nên cầu nơi tay cầm **hoa sen xanh**. Chân ngôn rằng: *Án -- chỉ rị, phạ nhựt ra, bộ ra bạn ã, hồng phấn tra.*



20. Nếu muốn được trí huệ lớn, nên cầu nơi tay cầm **cái gương báu**. Chân ngôn rằng: *Án -- vĩ tát phổ ra, na ra các xoa, phạ nhựt ra, mạn trà lả, hồng phấn tra.*



21. Nếu muốn được diện kiến mùi hương tất cả chư Phật, nên cầu nơi tay cầm **hoa sen tím**. Chân ngôn rằng: *Án -- tát ra tát ra, phạ nhựt ra, hồng phấn tra.*



22. Nếu muốn lấy được kho báu ẩn trong lòng đất, nên cầu nơi tay cầm **cái bảo kíp**. Chân ngôn rằng: *Án -- phạ nhựt ra, bá thiết ca rị, yết nẳng hàm, ra hồng.*



23. Nếu muốn được đạo tiên, nên cầu nơi tay hóa hiện **mây ngũ sắc**. Chân ngôn rằng: *Án -- phạ nhựt ra, ca rị ra tra hàm tra.*



24. Nếu muốn sanh lên cõi Phạm Thiên, nên cầu nơi tay cầm **bình quân trì**. Chân ngôn rằng: *Án -- phạ nhựt ra, thế khê ra, rô tra hàm tra.*



25. Nếu muốn được sanh lên các cung trời, nên cầu nơi tay cầm **hoa sen hồng**. Chân ngôn rằng: *Án -- thương yết lệ, tát phạ hạ.*



26. Nếu muốn xua đuổi giặc nghịch ở phương khác đến, nên cầu nơi tay cầm **cây bảo kích**. Chân ngôn rằng: *Án -- thăm muội dã, chỉ nảnh hạ rị, hồng phấn tra.*



27. Nếu muốn triệu tất cả chư thiên thiện thần, nên cầu nơi tay cầm **ống loa báu**. Chân ngôn rằng: *Án -- thương yết lệ, mạ hạ thắm mẫn diệm, tát phạ hạ.*



28. Nếu muốn sai khiến tất cả quỷ thần, nên cầu nơi tay cầm **cây gậy đầu lâu**. Chân ngôn rằng: *Án -- độ nẳng, phạ nhựt ra xá.*



29. Nếu muốn mười phương chư Phật sớm đến đưa tay tiếp dẫn, nên cầu nơi tay cầm **xâu chuỗi ngọc**. Chân ngôn rằng: *Nẳng mờ -- ra đát nẳng, đát ra dạ dã. Án -- a na bà đế vĩ nhã duệ, tát địa tát đà lật đế, tát phạ hạ.*



30. Nếu muốn có được tất cả phạm âm thanh tốt nhiệm màu, nên cầu nơi tay cầm **chiếc linh báu**. Chân ngôn rằng: *Nẳng mờ bát na hàm bá noa duệ. Án -- a mật lật đằm, nghiễm bệ thất rị duệ, thất rị chiếm rị nảnh, tát phạ hạ.*



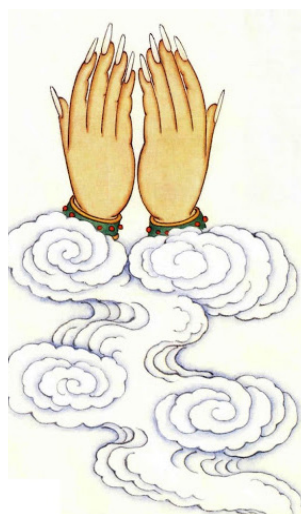
31. Nếu muốn được miệng nói biện luận hay khéo, nên cầu nơi tay cầm **chiếc ấn báu**. Chân ngôn rằng: *Án -- phạ nhựt ra, nảnh đảm nhá duệ, tát phạ hạ.*



32. Nếu muốn được thiên thần, long vương thường đến ủng hộ, nên cầu nơi tay cầm **cu thi thiết câu**. Chân ngôn rằng: *Án -- a rô rô, đả ra ca ra, vĩ sa duệ. Nẳng mờ, tát phạ hạ.*



33. Nếu vì lòng từ bi muốn cho tất cả chúng sanh được nhờ sự chở che giúp đỡ, nên cầu nơi tay cầm **cây tích trượng**. Chân ngôn rằng: *Án -- na lật thế, na lật thế, na lật tra bát đế, na lật đế na dạ bát nảnh, hồng phấn tra.*



34. Nếu muốn cho tất cả chúng sanh thường cung kính yêu mến nhau, nên cầu nơi tay **hiệp chưởng**. Chân ngôn rằng: *Án -- bát nạp mạng nhá lăng, hát rị. (Theo trong Tạng bản, lại có chân ngôn: Án -- vĩ tát ra, vĩ tát ra, hồng phấn tra).*



35. Nếu muốn tùy theo chỗ sanh, thường ở bên Phật, nên cầu nơi tay **hiện hóa Phật**. Chân ngôn rằng: *Án -- chiến na ra, ba hàm tra rị, ca rị na, chỉ rị na, chỉ rị nỉ, hồng phẩn tra.*



36. Nếu muốn đời đời kiếp kiếp thường ở trong cung điện Phật, không thọ sanh ở bào thai, nên cầu nơi tay **hiện hóa cung điện**. Chân ngôn rằng: *Án -- vi tát ra, vi tát ra, hồng phẩn tra.*



37. Nếu muốn được học rộng nghe nhiều, nên cầu nơi tay cầm **quyển kinh báu**. Chân ngôn rằng: *Án -- a hạ ra, tát ra phạ ni, nể dã đờ ra, bố nể đế, tát phạ hạ.*



38. Nếu muốn từ thân này cho đến thân thành Phật, tâm bồ đề thường không lui sụt, nên cầu nơi tay cầm **bất thối kim luân**. Chân ngôn rằng: *Án -- thiết na di tả, tát phạ hạ.*



39. Nếu muốn mười phương chư Phật mau đến xoa đầu thọ ký, nên cầu nơi tay **đảnh thượng hóa Phật**. Chân ngôn rằng: *Án -- phạ nhựt rị ni, phạ nhựt lăm nghệ, tát phạ hạ.*



40. Nếu muốn có được cây trái ngũ cốc, nên cầu nơi tay cầm **chùm bồ đào**. Chân ngôn rằng: *Án -- A ma lã kiếm đế nể nảnh, tát phạ hạ.*



41. Nếu muốn cho tất cả loài hữu tình đói khát được no đủ mát mẻ, nên cầu nơi tay **hóa nước cam lộ**. Chân ngôn rằng: *Án -- tổ rô tổ rô, bác ra tổ rô, bác ra tổ rô, tổ rô, tổ rô dã, tát phạ hạ.*



42. Nếu muốn hàng phục ma oán trong cõi đại thiên, nên cầu nơi tay **tổng nhiếp thiên thủ**. Chân ngôn rằng: *Đát nể dã thá, phạ lò chỉ đế, thấp phạ ra dã, tát bà đốt sắc, tra ô hạ di dã, sá phạ hạ.*

Ý NGHĨA CHÚ ĐẠI BI (Hòa Thượng Tuyên Hóa Giảng)

1. **Nam mô Hắc ra đất na đá ra dạ da** (Namah Ratnatrayaya). Xin đem hết thân, tâm, tính mạng của con quy y và kính lạy Tam Bảo vô tận vô biên trong khắp cả mười phương, suốt cả ba đời.

2. **Nam mô A rị da** (Namo Arya). Kính lạy các bậc Thánh, người đã xa lìa các ác pháp.

3. **Bà lô yết đế thước bát ra da** (Avalokitesvaraya). Quán Tự Tại.

4. **Bồ đề tát đỏa bà da** (Bodhisattvaya). Kính lạy Bồ Tát.

5. **Ma ha tát đỏa bà da** (Mahasattvaya). Kính lạy Chư Đại Bồ Tát.

6. **Ma ha ca lô ni ca da** (Mahakaruniakaya). Kính lạy thần chú Đại Bi Tâm.

7. **Án** (Om). Mẹ của tất cả mọi thần chú. Từ thần chú Án mà 10 pháp môn được hiển bày: Tự, Cú, Quán, Trí, Hành, Nguyện, Giáo, Lý, Nhân, Quả. Oai lực của Án khiến các quỷ thần đều cung kính chấp trì.

8. **Tát bàn ra Phật duệ** (Sarva Rabhaye). Tự tại Thế Tôn.

9. **Số đất na đất tả** (Sudhanadasya). Sự gia hộ của Pháp Bảo và Tăng Bảo.

10. **Nam mô tát kiết lật Đoà y môn A rị da** (Namo Skrtva i Mom Arya). Kính lạy cái “Ngã” mà “Vô Ngã” của các bậc Thánh. Cái “Ngã” hay Chân Tâm này vẫn sẵn có nơi mỗi người.

11. **Bà lô kiết đế thất phật ra Lăng đà bà** (Valokitesvara Ramdhava). Cung điện Từ Bi nơi Bồ Tát Quán Thế Âm thường thị hiện.

12. **Nam mô Na ra cẩn trì** (Namo Narakindi). Kính lạy Tâm Đại Bi, Tâm Cung Kính, Tâm Vô Thượng Bồ Đề.

13. **Hê rị ma ha bàn đá sa mé** (Herimaha Vadhasame). Ánh sáng của tâm lực thường chiếu rộng khắp, siêu việt cả không gian vô cùng, thời gian vô tận.

14. **Tát bà a tha đậu du bằng** (Sarva Atha Dusubhum). Tâm Bình Đẳng, Tâm Vô Vi, Tâm Vô Kiến Thủ.

15. **A thệ dụng** (Ajeyam). Tâm Khiêm Nhường, Tâm Vô Tạp Loạn.

16. **Tát bà tát đá (na ma bà tát đả) na ma bà già** (Sarva Sadha Namo Vaga). Đại thân tâm Bồ Tát không có gì so sánh được.

17. **Ma phật đật đậu** (Mavadudhu). Thỉnh nguyện sự gia trì của mười phương Chư Phật, Chư Bồ Tát.



18. **Đát điệt tha: Ân** (Tadyatha: Om). Nói ra chơn ngôn chứa đủ vô lượng pháp môn tu, vô lượng trí tuệ nhân.

19. **A bà lô hê** (Avaloki). Quán sát.

20. **Lô ca đế** (Lokate). Tự tại. Hai từ 19 và 20 ghép lại là danh hiệu của Bồ Tát Quán Thế Âm.

21. **Ca ra đế** (Karate). Người có lòng từ bi rộng lớn.

22. **Di hê rị** (Ehre). Ý giáo phụng hành.

23. **Ma ha bồ đề tát đỏa** (Mahabodhisattva). Đại Bồ Tát.

24. **Tát bà tát bà** (Sarva Sarva). Lợi lạc cho mọi loài.

25. **Ma ra ma ra** (Mala Mala). Tăng trưởng phước huệ, vạn sự như ý.

26. **Ma hê ma hê rị đà dụng** (Mahe Mahredhayam). Ý niệm đã đạt đến mức tối thượng và vi diệu.

27. **Cu lô cu lô yết môn** (Kuru Kuru Karmam). Thực hành lục độ vạn hạnh là làm lợi lạc cho người và trang nghiêm công đức cho mình.

28. **Độ lô độ lô phạt xà ra đế** (Dhuru Dhuru Vajayate). Quảng bác trang nghiêm, vượt qua sanh tử, thể nhập Niết Bàn.

29. **Ma ha phạt xà ra đế** (Maha Vajayate). Chân lý vượt lên trên tất cả mọi sự tốt đẹp nhất trên đời.

30. **Đà ra đà ra** (Dhara Dhara). Bồ Tát Quán Thế Âm dùng ba thủ nhãn ấn pháp Cam Lồ, Tịnh Bình và Dương Chi rưới nước cam lồ, cứu độ chúng sanh ra khỏi tam đồ, lục đạo.

31. **Địa rị ni** (Dhirini). Làm cho ác pháp chuyển thành thiện pháp, làm cho nghiệp chướng, tai nạn của chúng sanh được tiêu trừ.

32. **Thất phạt ra da** (Svaraya). Phóng ánh sáng lớn.

33. **Dá ra dá ra** (Cala Cala). Hành động.

34. **Mạ mạ phạt ma ra** (Mamavamara). Mọi việc làm chắc chắn thành tựu như ý.

35. **Mục đế lệ** (Muktele). Giải thoát.

36. **Y hê y hê** (Ehe Ehe). Như ý nguyện.

37. **Thất na thất na** (Cinda Cinda). Trí tuệ và thệ nguyện rộng lớn.

38. **A ra sâm phạt ra xá lợi** (Arsam Pracali). Vị Đại Pháp Vương thường chuyển cỗ xe Phật pháp, thường tuyên thuyết diệu nghĩa Đại thừa vô cùng vi diệu.

39. **Phạt sa phạt sâm** (Vasa Vasam). Rất hoan hỷ khi giảng nói.

40. **Phạt ra xá da** (Prasaya). Tâm thể của bậc giác ngộ ví như một con voi chúa cao quý.

41. **Hô lô hô lô ma ra** (Huru Huru Mara). Người tu tập và pháp tu là một.

42. **Hô lô hô lô hê rị** (Huru Huru Hri). Vắng bật vọng niệm khi tu tập.
43. **Ta ra ta ra** (Sara Sara). Thần lực rất mạnh.
44. **Tất rị tất rị** (Siri Siri). Dũng mãnh vượt qua mọi chướng ngại.
45. **Tô rô tô rô** (Suru Suru). Nước cam lồ.
46. **Bồ đề dạ, bồ đề dạ** (Bodhiya Bodhiya). Tâm Bồ Đề kiên cố.
47. **Bồ đà dạ, bồ đà dạ** (Bodhaya Bodhaya). Người giác ngộ.
48. **Di đế rị dạ** (Maitriya). Đại từ bi tâm.
49. **Na ra cần trì** (Narakindi). Người đứng đầu trong các bậc Thánh.
50. **Địa li sắt ni na** (Dharsinina). Bền chắc và lạnh lợi.
51. **Ba dạ ma na** (Payamana). Mười phương thế giới đều khen ngợi công đức.
52. **Ta bà ha** (Svaha). Câu này lập lại 14 lần, có 6 nghĩa: thành tựu, tốt lành, viên tịch, tiêu trừ mọi tai nạn, thêm nhiều lợi lạc, không bám chấp một thứ gì cả. (*Viên tịch là công vô bất viên, đức vô bất tịch: công đức của hành giả viên mãn, đức hạnh đạt đến mức cao tột*).
53. **Tất đà dạ** (Siddhaya). Mọi ước nguyện và việc làm đều thành tựu, được mọi người cung kính tán dương.
54. **Ta bà ha** (Svaha).
55. **Ma ha tất đà dạ** (Maha Siddhaya). Thành tựu trong câu 53 càng lớn hơn nữa.
56. **Ta bà ha** (Svaha).
57. **Tất đà du nghệ** (Siddhayoge). Các vị thần trên không, dưới đất đến nghe Pháp đều lợi lạc.
58. **Thất bàn ra dạ** (Svaraya). Tụ tại.
59. **Ta bà ha** (Svaha).
60. **Na ra cần trì** (Narakindi). Thường che chở chúng sanh.
61. **Ta bà ha** (Svaha).
62. **Ma ra na ra** (Maranara). Lúc tu tập là đã có kết quả vững chắc rồi.
63. **Ta bà ha** (Svaha).
64. **Tất ra tăng a mục khư da** (Sirasam Amukhaya). Trong mỗi chúng sanh đều có đủ tánh tụ tại và công đức tròn đầy.
65. **Ta bà ha** (Svaha).
66. **Ta bà ma ha a tất đà dạ** (Sarva Maha Asiddhaya). Hành giả nỗ lực nhẫn nại thì có thể tiến tới pháp đại thừa, thành tựu vô lượng công đức và Phật quả.
67. **Ta bà ha** (Svaha).
68. **Giả kiết ra a tất đà dạ** (Cakra Asiddhaya). Hành giả thành tựu công đức lớn nên các loài ma oán đều quy đầu phục thiện.

69. **Ta bà ha** (Svaha).
70. **Ba đà ma yết tất đà dạ** (Padmakastaya). Sớm tu trì Phật pháp để được an lạc, giải thoát trọn vẹn.
71. **Ta bà ha** (Svaha).
72. **Na ra cần trì bàn đà ra dạ** (Narakindi Vagaraya). Quán Thế Âm hộ trì, giúp hết sợ hãi.
73. **Ta bà ha** (Svaha).
74. **Ma bà lệ thắng yết ra dạ** (Mavari Samkraya). Tự tánh chúng sanh vốn sẵn có đức đại hùng đại lực.
75. **Ta bà ha** (Svaha).
76. **Nam mô hắc ra đát na đá ra dạ da** (Namah Ratnatrayaya). Như câu 1.
77. **Nam mô a lệ da** (Namo Arya). Như câu 2.
78. **Bà lô yết đế** (Valokites). Quán.
79. **Thước bàn ra dạ** (Varaya). Tự tại.
80. **Ta bà ha** (Svaha).
81. **Án, tất điện đô** (Om, Siddhyantu). Đạo tràng đã kết giới thành tựu.
82. **Mạn đà ra** (Mantra). Pháp hội.
83. **Bạt đà dạ** (Padaya). Tùy tâm mãn nguyện.
84. **Ta bà ha** (Svaha).



TÓM TẮT KINH ĐẠI BI TÂM ĐÀ RA NI

I. Xuất Xứ

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni gọi đầy đủ là Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà Ra Ni. Hòa Thượng Thích Trí Quang dịch Đại Bi Tâm Đà Ra Ni là Bài Chú Tinh Túy Của Đại Từ Bi.

Kinh được ghi chép trong Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh, ký hiệu Chính 20/106-111, do các nhà Phật Học Nhật Bản biên tập trong 13 năm (1912 - 1925). Tỳ Kheo Đà Phạm Đạt Mạ người Ấn Độ dịch từ Chữ Phạn ra chữ Hán vào đời nhà Đường. Cố Hòa Thượng Thích Thiên Tâm dịch ra chữ Việt năm 1967.

Bản kinh đăng trong ấn bản này, từ trang 18 đến trang 45, là Kinh Đại-Bi-Tâm-Đà-Ra-Ni do Chùa Đức Viên, San Jose, ấn tống năm 1997.

II. Pháp Hội

Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni nói về nhân duyên giáo hóa, oai lực màu nhiệm, lợi lạc không thể nghĩ bàn của thần chú Đại Bi, đồng thời nói đến công hạnh tu chứng và nguyện lực vô cùng vô tận của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Địa điểm nói kinh là đạo tràng Bảo Trang Nghiêm trong cung điện Bồ Đà Lạc Ca của Bồ Tát Quán Thế Âm. Chứng minh gia hộ là Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni.

Tham dự Pháp hội có Chư Đại Bồ Tát: Tổng Trì Vương, Bảo Vương, Dược Vương, Dược Thượng, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Hoa Nghiêm, Đại Trang Nghiêm, Bảo Tạng, Đức Tạng, Kim Cang Tạng, Hư Không Tạng, Di Lạc, Phổ Hiền, Văn Thù Sư Lợi. Ngoài ra còn có vô lượng A La Hán tu hạnh Thập Địa; vô lượng Thiên Long Bát Bộ; vô lượng Thiên Nữ; vô lượng Thiện Thần.

Bấy giờ Bồ Tát Quán Thế Âm mật phóng ánh thần thông quang minh, chiếu sáng mười phương quốc độ và cõi tam thiên đại thiên thế giới đều thành sắc vàng. Thấy lạ, Bồ Tát Tổng Trì Vương mới chấp tay hỏi Phật nguyên do. Đức Phật bảo rằng đó là do Bồ Tát Quán Thế Âm trong Pháp hội, muốn làm cho chúng sanh được lợi ích an vui, nên mới mật phóng sức thần thông như thế.

Lúc ấy Bồ Tát Quán Thế Âm mới cung kính bạch Phật: Con có chú Đại Bi Tâm Đà Ra Ni, nay xin nói ra, xin Đức Thế Tôn cho phép. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tùy hỷ, ấn chứng, và giải thích thêm.

III. Chú Đại Bi

Bồ Tát Quán Thế Âm kể rằng vô lượng ức kiếp về trước, Ngài có duyên lành được Đức Phật Thiên Quang Vương Tịnh Trụ truyền dạy chú Đại Bi. Lúc ấy Bồ Tát mới từ sơ quả là Hoan Hỷ Địa, vừa nghe xong chú Đại Bi, vi diệu đến mức, Ngài liền chứng vượt lên bậc thứ 8 Bất Động Địa trong 10 bậc tu chứng của Bồ Tát Đạo.

Bồ Tát rất vui mừng, liền phát thệ rằng: **“Nếu trong đời vị lai, con có thể làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sanh với thân chú này, thì xin khiến cho thân con liền sanh ra ngàn tay ngàn mắt”**. Khi Ngài phát thệ rồi thì ngàn tay ngàn mắt đều hiện đủ nơi thân!

Từ ngày đó cho đến nay, dù ở trong vô lượng Pháp hội của vô lượng Chư Phật, dù hiện vô lượng thân tướng khác nhau tùy theo căn cơ chúng sanh để hóa độ, nhưng lúc nào Ngài cũng trì tụng chú Đại Bi, chưa từng quên bỏ.

Rồi Bồ Tát Quán Thế Âm đứng trước Pháp hội, chấp tay đứng thẳng, đối với chúng sanh khởi lòng từ bi, nở mặt mỉm cười, nói chú Đại Bi.

IV. Tinh Túy Của Chú Đại Bi

Trả lời câu hỏi của Đại Phạm Thiên Vương, Bồ Tát Quán Thế Âm nói chú Đại Bi Tâm có 10 tướng mạo: (1) Tâm đại từ bi, (2) Tâm bình đẳng, (3) Tâm vô vi, (4) Tâm chẳng nhiễm trước, (5) Tâm không quán, (6) Tâm cung kính, (7) Tâm khiêm nhường, (8) Tâm không tạp loạn, (9) Tâm không chấp giữ, (10) Tâm vô thượng bồ đề.

Trả lời câu hỏi của ngài A Nan, Đức Phật dạy: Đại Bi Tâm Đà Ra Ni còn có chín tên gọi khác là: Quảng Đại Viên Mãn Đà Ra Ni, Vô Ngại Đại Bi Đà Ra Ni, Cứu Khổ Đà Ra Ni, Diên Thọ Đà Ra Ni, Diệt Ác Thú Đà Ra Ni, Phá Ác Nghiệp Đà Ra Ni, Mãn Nguyện Đà Ra Ni, Tùy Tâm Tự Tại Đà Ra Ni, Tốc Siêu Thánh Địa Đà Ra Ni.

V. Lợi Ích Của Tụng Trì Chú Đại Bi

Bồ Tát Quán Thế Âm dạy: người chí thành tụng trì chú Đại Bi có vô lượng phước báo và vô lượng công đức.

- Trừ tai nạn: không bị hại vì cọp, sói, thú dữ, rắn, rít, tinh mị, quỷ vọng lượng, dạ xoa, la sát, ngục tù, gông cùm, đánh đập.

- Trừ bệnh tật: Trừ tất cả bệnh khổ ràng buộc nơi thân, sâu độc, trừ ếm, sanh để an toàn. Tụng chú Đại Bi vào cây khô, cây ấy còn được sanh cành lá, trở bông trái, huống chi là chúng sanh có tình thức.

- Trừ chết oan, ác nghiệp, tội nặng: không bị mười lăm cái chết oan, dứt

hết các tội thập ác, ngũ nghịch, không đọa vào ba đường ác, giết nhau ngoài chiến trường.

- Đem lại an vui, lợi ích cho chúng sanh: được mười lăm chỗ sanh tốt, giàu có, tiêu tan tất cả sợ hãi, trừ tham dục, sống lâu, chuyển nữ thành nam, đầy đủ tất cả mong cầu.

- Giúp người tu tập tiến trên đường đạo: hạt giống Đại Thừa ngày càng lớn mạnh, tâm an định, vô lượng tam muội biện tài, tu chứng bốn quả Thanh Văn, hoàn mãn lục độ, chứng quả Thập Địa, lúc mạng chung sanh về Tây Phương Cực Lạc hoặc các cõi Phật như ý nguyện, nói ra điều gì cũng thành Pháp âm thanh tịnh.

- Lợi ích cộng đồng: đất nước thanh bình, chính trị yên ổn, không bị phản thần gây loạn, không chiến tranh, kinh tế giàu mạnh, mùa màng tươi tốt, thức ăn nước uống dồi dào, mưa thuận gió hòa, nhân dân an lạc.

- Người trì tụng chú Đại Bi chính là cái kho chứa mười đức lành lớn: Phật thân, quang minh, từ bi, diệu pháp, thiền định, hư không, vô úy, diệu ngữ, thường trụ, giải thoát.

VI. Chú Phật, Thiện Thần Ủng Hộ

Bồ Tát Quán Thế Âm dạy: Chú Đại Bi Tâm do chín mươi chín ức hằng sa Chú Phật đời quá khứ nói ra. Chú Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, A La Hán, Vua Cõi Trời, Thiện Thần đều ủng hộ. Có đến 53 danh hiệu các bậc Trời, Rồng, Thiện Thần ủng hộ được nêu ra trong Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni.

Chính nhờ Ân Đức Từ Bi Hỷ Xả của Bồ Tát Quán Thế Âm cảm hóa nên Trời, Rồng, Thiện Thần tình nguyện ủng hộ chúng sanh, chứ Bồ Tát không ép buộc, không sai khiến, không ra lệnh bắt cứ ai làm việc gì cả. Ngài hàng phục chúng sanh càng cường, thiên ma, tà thần không bằng sát khí sân hận ngập trời mà bằng ân đức khoan hòa rộng lớn, trí tuệ tuyệt vời. Đức chiêu cảm đó mới đầy đủ oai lực giúp cho sự phát tâm ủng hộ của Chú Thiện Thần lâu dài, ngày càng thêm lớn.

VII. Chánh Pháp Minh Như Lai

Đức Phật bảo ngài A Nan: Bồ Tát Quán Thế Âm đã thành Phật từ vô lượng kiếp về trước và có danh hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Vì nguyện lực đại bi, vì muốn làm duyên phát khởi cho tất cả các hàng Bồ Tát, vì muốn an vui thành thực cho chúng sanh, ngài mới giáng tích hiện làm Bồ Tát. Vậy ông và đại chúng, các hàng Bồ Tát Ma Ha Tát, Phạm Vương, Đế Thích, Long Thần đều nên cung kính, chớ sanh lòng khinh mạn, xem thường.

VIII. Cách Tụng Trì Chú Đại Bi

Bồ Tát Quán Thế Âm nhấn mạnh: Chư Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Đồng Nam, Đồng Nữ muốn tụng trì chú Đại Bi, **trước tiên phải phát tâm từ bi đối với chúng sanh**, và sau đây y theo Ngài mà phát nguyện:

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Nguyện Con mau biết tất cả pháp, mau được mắt trí tuệ, mau độ các chúng sanh, mau được phương tiện khéo, mau lên thuyền Bát Nhã, mau được qua biển khổ, mau được giới định đạo, mau lên non Niết Bàn, mau về nhà vô vi, mau đồng thân Pháp tánh.

Nguyện tâm con hướng về nơi nào liền giúp nơi đó được an lạc: non đao sục đố; nước sôi, lửa cháy tự khô tắt; địa ngục tự tiêu tan; nga quỷ tự no đủ; tu la tâm ác tự điều phục; súc sanh tự được trí huệ lớn.

Thường niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm và A Di Đà Phật, vì A Di Đà Phật là Bản Sư của Ngài.

Tụng trì năm biến chú mỗi ngày. Trước khi tụng chú cần tắm gội sạch sẽ, mặc áo nghiêm trang, giữ gìn trai giới, nên ở nơi tịnh thất. Đối với chúng sanh khởi lòng bình đẳng, phát tâm Bồ đề rộng lớn thề độ tất cả muôn loài. Miệng rành rõ tụng chú, tiếng tụng liên tiếp không gián đoạn, tâm gắn chặt vào bài chú, không nghĩ chi khác, nhất là chí thành tin tưởng, không sanh tâm nghi ngờ. Tự mình sám hối những ác nghiệp đã gây ra từ vô lượng kiếp đến nay, đồng thời nguyện thay thế tất cả chúng sanh sám hối tội nghiệp của họ.

Bồ Tát Quán Thế Âm khuyến tấn: Ngài sẽ dùng ngàn mắt chiếu soi, ngàn tay nâng đỡ người chí thành tụng trì chú Đại Bi. Người chí thành tụng trì chú Đại Bi là người đã từng cúng dường vô lượng Chư Phật, gieo nhiều căn lành, giúp chúng sanh tiêu trừ khổ nạn, nên biết người ấy là bậc có đủ tâm đại bi, không bao lâu nữa sẽ thành Phật.

IX. Kết Luận

Đức Phật bảo ngài A Nan: Ông nên dùng lòng trong sạch tin sâu mà thọ trì môn Đại Bi Tâm Đà Ra Ni này và lưu bố rộng ra trong cõi Diêm Phù Đề, chớ cho đoạn tuyệt. Sức oai thần của Đại Bi Tâm Đà Ra Ni không thể nghĩ bàn! Khen ngợi không bao giờ hết được.

Khi ấy, tất cả chúng hội, Bồ Tát Ma Ha Tát, Kim Cang, Mật Tích, Phạm Vương, Đế Thích, Tứ Đại Thiên Vương, Thiên, Long, Quỷ Thần, nghe Đức Như Lai khen ngợi môn Đà Ra Ni này xong, thấy đều vui mừng, y lời dạy mà tu hành.

Người chí thành tụng trì Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni cảm nhận được đức Vô Úy và Nguyên Lực Dũng Mãnh của Chư Phật, Chư Bồ Tát bâng bực xuyên suốt bản kinh. Các từ “Nguyên”, “Phát Nguyên”, “Ứng Hộ”, “Cảm Ứng”, “Năng Khiển”, “Năng Linh” xuất hiện rất nhiều lần, tuyệt nhiên không hề ủy mị, yếm thế, van xin như thường bị hiểu lầm.

Trải qua thời gian lâu dài, Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni có vài chỗ bị pha trộn thiếu tinh thần từ bi hỷ xả. Đối chiếu với Bản Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni tại <http://thuvienhoasen.org/a15195/kinh-dai-bi-tam-da-ra-ni>, Bản Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni in nơi đây đã được Chư Tổ Đức rút ngắn bớt vài đoạn ở phần sau, không phù hợp với nguyện lực Đại Từ Bi của Bồ Tát ở phần đầu, hoặc những cách chữa bệnh không còn thực tế. Chẳng hạn: *“Nếu bị kẻ thù mưu hại, nên dùng đất sạch, hoặc bột, hoặc sáp, nắn thành hình kẻ ấy. Xong, lại để hình nhọn trước tượng Thiên Nhân, tụng vào lưỡi dao 108 biến Đại Bi, cứ tụng xong mỗi biến lại chém xuống một dao, kêu tên người kia một lần, rồi đem 108 đoạn hình đã chặt đốt tan”*. Đoạn này thật không phù hợp với Đức Từ Bi của Bồ Tát! Do đó, cần quán chiếu Bi Trí Dũng khi trì tụng kinh chú.

Phần cuối Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni có bốn mươi hai ấn thủ, mỗi ấn thủ có một câu chú kèm theo. Tuy nhiên, theo lời giảng về chú Đại Bi của Hòa Thượng Tuyên Hóa, bốn mươi hai ấn thủ nhãn chính là chú Đại Bi, đoạn giữa, từ câu thứ 24 đến câu 74, trong số 84 câu chú Đại Bi. Vậy kính nêu lên sự khác biệt này để Chư Vị Cao Minh nghiên cứu thêm.

Riêng đối với Hội Từ Bi Quán Thế Âm thật có một cảm ứng đặc biệt với Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni. Nhờ cảm đức Từ Bi, Hỷ Xả, Trí Tuệ và Hùng Lực từ Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni mà Hội mới có thể vượt qua mọi chướng ngại, mới có thể hình thành 20 năm qua để vừa tu tập, vừa làm việc thiện, trong đó 10 năm đầu hoạt động thầm lặng, 10 năm sau là hợp pháp hóa theo luật pháp Hoa Kỳ. Mỗi khi gặp khó khăn, chướng ngại, anh chị em trong Hội thành tâm tụng trì chú Đại Bi, lễ bái Ngũ Bách Danh Quán Thế Âm Bồ Tát, tụng Kinh Phổ Môn, niệm danh hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, thì rồi mọi việc đều trở nên tốt đẹp, các tâm nguyện đều được thành tựu vượt xa khả năng của anh chị em. Hội xin nhận mười tướng mạo của Chú Đại Bi làm mười điều tâm niệm của Hội để quán chiếu và thực tập trong đời sống hàng ngày: **Đại Từ Bi Tâm, Bình Đẳng Tâm, Vô Vi Tâm, Vô Nhiễm Tâm, Không Quán Tâm, Cung Kính Tâm, Khiêm Hạ Tâm, Vô Tọa Loạn Tâm, Vô Kiến Thủ Tâm, Vô Thượng Bồ Đề Tâm.**

Nam Mô **Ứng Cảm** Quán Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát.

